

Vĩnh Phúc, ngày tháng năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Chương trình phát triển  
đô thị Vĩnh Phúc, tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2030

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014 của Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 7, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị; Thông tư số 12/2014/TTLT-BXD ngày 25/8/2014 của liên Bộ Xây dựng và Bộ Nội vụ về hướng dẫn lập, thẩm định và phê duyệt Chương trình phát triển đô thị;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh Vĩnh Phúc lần thứ XVII nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Quyết định 567/QĐ-UBND ngày 17/02/2017 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc v/v phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung đô thị Vĩnh Phúc; Quyết định 2546/QĐ-UBND ngày 17/10/2019 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc v/v phê duyệt chương trình xây dựng tổng thể và phát triển đô thị tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (điều chỉnh); Quyết định số 2566/QĐ-UBND ngày 08/8/2016 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc Phê duyệt Chương trình phát triển đô thị Vĩnh Phúc, tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2030; Căn cứ ý kiến thống nhất phê duyệt chương trình của Tập thể Lãnh đạo UBND tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 22/TTr-SXD ngày 19/01/2022 đề nghị phê duyệt điều chỉnh cục bộ Chương trình phát triển đô thị Vĩnh Phúc, tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2030,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Điều chỉnh cục bộ Chương trình phát triển đô thị Vĩnh Phúc, tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2030 như sau:

1. Điều chỉnh nội dung tại mục 2, mục 3 của phần III, Điều 1 của Quyết định số 2566/QĐ-UBND ngày 08/8/2016 như sau:

### **“2. Giai đoạn 2021 - 2025**

Các khu vực phát triển đô thị: 87 khu vực, gồm: 31 khu vực phát triển đô thị mới, với tổng diện tích khoảng 6.311,6 ha, trong đó diện tích đầu tư mới trong giai đoạn này là 2.729,1 ha; 34 khu vực mở rộng đô thị, với tổng diện tích khoảng 8.515,2 ha, trong đó diện tích đầu tư trong giai đoạn này khoảng 2.463,4 ha; 22 khu vực cải tạo, bảo tồn, tái thiết với tổng diện tích khoảng 3.788,3 ha, trong đó diện tích đầu tư trong giai đoạn này khoảng 1.661,9 ha.

### **3. Giai đoạn 2026 - 2030**

Các khu vực phát triển đô thị: 86 khu vực, gồm:

- 30 khu vực phát triển đô thị mới với tổng diện tích khoảng 6.230,2 ha, trong đó diện tích đầu tư phát triển đô thị mới trong giai đoạn này là 2.574,4 ha;
- 34 khu vực mở rộng đô thị với tổng diện tích khoảng 8.515,2 ha, trong đó diện tích đầu tư phát triển trong giai đoạn này là 5.508,8 ha;
- 22 khu vực cải tạo, tái thiết, bảo tồn với tổng diện tích khoảng 3.788,3 ha, trong đó diện tích đầu tư trong giai đoạn này khoảng 2.126,4 ha.

#### **2. Điều chỉnh bản vẽ của giai đoạn 2021-2025 và giai đoạn 2026-2030:**

- Điều chỉnh 02 khu vực phát triển đô thị mới thành khu vực phát triển đô thị mở rộng (ĐTM:24, 25 thành MR:27, MR:28), 01 khu vực phát triển trường đại học thành khu vực phát triển đô thị mới (ĐH:02 điều chỉnh thành ĐTM:31), 01 khu vực phát triển du lịch điều chỉnh thành khu vực phát triển đô thị mới (DL:04 điều chỉnh thành ĐTM:32).

- Bổ sung 25 khu vực gồm: 02 khu vực phát triển đô thị mới (ĐTM:33, ĐTM:34); 06 khu vực phát triển đô thị mở rộng (từ MR:29 đến MR:34); 02 Khu vực phát triển đô thị cải tạo (CT:21, CT:22); 01 Khu vực phát triển thương mại (TM:07); 10 khu vực phát triển công nghiệp (CN:13 đến CN:22); 02 khu vực phát triển công viên cây xanh (CX:16, CX:17); 02 khu vực phát triển nông nghiệp sinh thái (NNST:07, NNST:08).

- Điều chỉnh lại ranh giới quy mô diện tích các khu vực PTĐT đã được xác định trong Chương trình PTĐT đã được phê duyệt cho giai đoạn 2021-2025 và giai đoạn 2026-2030.

*(Chi tiết tại bản vẽ đã được Sở Xây dựng thẩm định)*

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Sở Xây dựng tổ chức công bố Chương trình phát triển đô thị Vĩnh Phúc, tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2030 đã được điều chỉnh.

2. Các Sở, ban, ngành, địa phương liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ tổ chức thực hiện theo Chương trình.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Y tế, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Trưởng Ban quản lý Khu công nghiệp tỉnh; UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ thực hiện quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- CVP, CPVP;
- Như Điều 3;
- Cổng TT điện tử tỉnh;
- CVNCTH;
- Lưu: VT, CN3.

(Qg b)

*hà*

**T/M ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Vũ Chí Giang**